TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2023.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà ***Nguyễn Thị Hà***.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông ***Nguyễn Văn Sang***.

2/ Ông ***Tạ Quang Đức***.

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Lê Văn Cum Anh*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông ***Phạm Văn T***, sinh năm 1993.
Địa chỉ: AH, TQ, TB, ĐT.
- *Bị đơn*: Bà ***Đặng Thị Mỹ N***, sinh năm 2001.
Địa chỉ: NT2A, NA, PĐ, CT.
Nguyên đơn ông T, bị đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2023 và tại bản tự khai ngày 16/02/2023 nguyên đơn là ông Phạm Văn T cho rằng:***

Ông và bà Đặng Thị Mỹ N kết hôn nhân năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân NA, PĐ, CT.và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 21/10/2020.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ năm 2021 ông và bà N đã sống ly thân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên ông yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Đặng Thị Mỹ N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ N có bản tự khai cho rằng:*

Bà và ông Phạm Văn T kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 21/10/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2021 bà và ông T đã sống ly thân. Hiện nay, ông T có đơn xin ly hôn bà cũng thống nhất ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị Mỹ N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T đề ngày 16/02/2023 yêu cầu xin ly hôn với bà Đặng Thị Mỹ N, nên đây là vụ án ly hôn giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do bà Đặng Thị Mỹ N có địa chỉ cư trú tại NT2A, NA, PĐ, CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T và bị đơn bà Đặng Thị Mỹ N xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị Mỹ N tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 21/10/2020 tại Ủy ban nhân dân NA, PĐ, CT nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông T khai tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì ông và bà N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân. Nay ông T cho rằng không còn tình cảm với bà N, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên ông có đơn xin ly hôn. Phía bà N cũng thống nhất ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay bà và ông T cũng không còn chung sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3] Về con chung: Ông T và bà N khai thống nhất ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N khai thống nhất ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Đặng Thị Mỹ N.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Phạm Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007818 ngày 20/3/2023 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương; nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà

*Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- UBND xã NA (nơi ĐKKH GCNKH số 86 ngày 21/10/2020)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.